

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS - ST

Ngày: 23/7/2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Toàn

Bà Nguyễn Thị Lại

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 107/2020/TLST - DS ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST - DS ngày 30 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2021/QĐST - DS ngày 27/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2021/QĐST - DS ngày 24/5/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2021/QĐST - DS ngày 24/6/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Văn T, sinh năm 1964 (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn NĐ, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn R, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan:

1. Chị Dương Thị T, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn R, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Bà Chu Thị C, sinh năm 1967 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn NĐ, xã N, huyện V, Bắc Giang.

- **Người làm chứng:**

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn là ông Ngô Văn T trình bày: Do có mối quan hệ quen biết với anh Nguyễn Văn H, ngày 24/01/2020 anh Nguyễn Văn H đến nhà ông Ngô Văn T hỏi vay 160.000.000 đồng để đi mua máy xúc. Vì là chỗ quen biết, ông Ngô Văn T đồng ý cho anh Nguyễn Văn H vay số tiền 160.000.000 đồng và nhờ anh Nguyễn Văn T đưa đi mua máy xúc. Hai bên viết giấy cam kết vay tiền, thời hạn trả ngày 30/5/2020, có thỏa thuận lãi suất 02%/1 tháng nhưng không ghi vào biên bản, có anh Nguyễn Văn T là người làm chứng ký vào giấy cam kết thỏa thuận vay tiền.

Đến thời hạn trả tiền ngày 30/5/2020, ông Ngô Văn T đến nhà anh Nguyễn Văn H đòi số tiền vay 160.000.000 đồng nhiều lần nhưng không được, có chị Dương Thị T là vợ anh Nguyễn Văn H ở nhà biết. Anh Nguyễn Văn H, chị Dương Thị T chỉ khát nợ mà không trả khoản tiền đã vay.

Ông Ngô Văn T đề nghị Tòa án giải quyết, buộc anh Nguyễn Văn H cùng chị Dương Thị T phải trả ngay khoản tiền vay 160.000.000 đồng ngày 24/01/2020 thì ông Ngô Văn T không yêu cầu trả khoản tiền lãi suất, nếu không trả ngay thì ông Ngô Văn T yêu cầu trả cả lãi suất như thỏa thuận.

Tại phiên tòa, ông Ngô Văn T chỉ yêu cầu anh Nguyễn Văn H và chị Dương Thị T trả tiền gốc đã vay là 160.000.000 đồng, rút phần yêu cầu trả lãi.

Người làm chứng (anh Nguyễn Văn T) vắng mặt có lời khai trong hồ sơ trình bày: Về quan hệ giữa anh Nguyễn Văn T với ông Ngô Văn T và vợ chồng anh Nguyễn Văn H, chị Dương Thị T không có quan hệ họ hàng, mà chỉ quen biết qua công việc làm kinh tế.

Ngày 24/01/2020, anh Nguyễn Văn T cùng anh Nguyễn Văn H đến nhà ông Ngô Văn T vay 160.000.000 đồng để anh Nguyễn Văn H nhờ anh đi mua máy xúc, khi hai bên viết giấy vay tiền anh Nguyễn Văn T có chứng kiến và ký vào giấy cam kết thỏa thuận vay tiền giữa ông Ngô Văn T với anh Nguyễn Văn H, sau khi vay được tiền của ông Ngô Văn T, anh Nguyễn Văn T cùng anh Nguyễn Văn H đi mua máy xúc cho anh Nguyễn Văn H, còn sau này anh Nguyễn Văn H trả tiền vay 160.000.000 đồng cho ông Ngô Văn T như thế nào anh Nguyễn Văn T

không biết.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Văn H chị Dương Thị T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn H chị Dương Thị T đã được Tòa án đến nhà để giao, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh Nguyễn Văn H chị Dương Thị T đều từ chối có mặt để làm việc theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án, đã từ bỏ quyền tố tụng theo quy định của pháp luật.

Do anh Nguyễn Văn H, chị Dương Thị T không thường xuyên có mặt tại địa phương nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương đối với yêu cầu ông Ngô Văn T, kết quả xác minh được thể hiện như sau:

- **Xác minh đối với chị Dương Thị T1 là chị gái của chị Dương Thị T cung cấp:** Về quan hệ giữa chị Dương Thị T1 với anh Nguyễn Văn H là em rể, còn chị Dương Thị T là em gái, quan hệ chị em bình thường không có mâu thuẫn gì, chị Dương Thị T1 có biết vợ chồng anh Nguyễn Văn H, chị Dương Thị T có mua máy xúc và ô tô để kinh doanh vận chuyển trở đất, do công việc kinh doanh làm ăn thua lỗ nên có nhiều người đến nhà đòi nợ, nay vợ chồng anh Nguyễn Văn H, chị Dương Thị T không thường xuyên có nhà, còn có ở chung ở nơi nào chị Dương Thị T1 không biết.

Tòa án giao cho chị Dương Thị T1 quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2021/QĐST-DS ngày 24/6/202 để giao cho vợ chồng anh Nguyễn Văn H, chị Dương Thị T, chị Dương Thị T1 nhận nhưng không ký vào các biên bản do Tòa án lập.

- **Xác minh tại địa phương cung cấp:** Vợ chồng anh Nguyễn Văn H, chị Dương Thị T là người địa phương, hiện nay anh Nguyễn Văn H không thường xuyên có mặt tại địa phương, thỉnh thoảng về qua nhà rồi lại đi còn chị Dương Thị T đi làm công nhân còn làm ở Công ty nào địa phương không biết rõ cụ thể.

Về người thân của anh Nguyễn Văn H hiện nay ở địa phương có ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1957 là bố đẻ anh Nguyễn Văn H, do hai bố con có mâu thuẫn nên khi Tòa án có gửi thông báo, giấy triệu tập địa phương có nhờ ông Nguyễn Văn Đ giao lại cho vợ chồng anh Nguyễn Văn H, chị Dương Thị T nhưng ông Nguyễn Văn Đ không nhận giao hộ, nên chính quyền địa phương tiến hành niêm yết thông báo, giấy triệu tập của Tòa án tại Nhà văn hóa của thôn R, còn chị Dương Thị T có chị gái là chị Dương Thị T1 hiện nay đang sinh sống tại thôn R, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Khoảng năm 2019 – 2020, vợ chồng anh Nguyễn Văn H, chị Dương Thị T có mua máy xúc đất và ô tô để kinh doanh vận chuyển, nay các phương tiện này

có còn hay không địa phương không biết, ngoài việc vợ chồng anh Nguyễn Văn H, chị Dương Thị T nợ tiền ông Ngô Văn T thì còn nợ một số người khác địa phương biết vì cũng làm việc với Tòa án ở vụ án khác.

Bà Chu Thị C là vợ của ông Ngô Văn T vắng mặt có lời khai xác định số tiền ông T cho anh H vay 160.000.000 đồng là tiền riêng của ông T, bà C không liên quan gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tiến hành đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, người làm chứng có ý thức chấp hành pháp luật, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

Về giải quyết vụ án:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Ngô Văn T, buộc anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm liên đới trả nợ số tiền 160.000.000 đồng cho anh T.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lãi suất cho vay.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị T phải liên đới chịu 8.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại anh Ngô Văn T số tiền 4.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn H cùng chị Dương Thị T có hộ khẩu thường trú tại thôn R, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đơn khởi kiện của ông Ngô Văn T đề nghị Tòa án nhân dân

huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết buộc anh Nguyễn Văn H cùng chị Dương Thị T có trách nhiệm thanh toán khoản tiền vay 160.000.000 đồng là đảm bảo về thời hiệu khởi kiện và đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên tòa do anh Nguyễn Văn H, chị Dương Thị T, bà Chu Thị C vắng mặt nhưng đã được Tòa án tiến hành giao, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn H, chị Dương Thị T, bà Chu Thị C là đúng theo quy định tại Điều 178; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu của nguyên đơn: Ngày 24/01/2020, ông Ngô Văn T cho anh Nguyễn Văn H vay 160.000.000 đồng để mua máy xúc, giữa hai bên có lập biên bản cam kết ký nhận vay tiền thời hạn thanh toán ngày 30/5/2020, có người làm chứng là anh Nguyễn Văn T, nhưng đến thời hạn thanh toán anh Nguyễn Văn H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vay là vi phạm theo cam kết đã thỏa thuận.

Xét tính hợp pháp của hợp đồng: Lời khai của nguyên đơn về nội dung, hình thức hợp đồng, mục đích vay và ý chí chủ quan của các bên phù hợp với giấy vay tiền và biên nhận vay tiền cùng ngày 24/01/2020. Bị đơn không đến Tòa án để trình bày ý kiến, xuất trình chứng cứ mặc dù đã được thông báo về việc thụ lý vụ án, được xác định là từ bỏ quyền lợi của mình. Hội đồng xét xử thấy rằng khi giao kết hợp đồng, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện. Nội dung, hình thức của hợp đồng phù hợp với pháp luật, mục đích giao dịch không trái pháp luật, đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 117, 463 của Bộ luật dân sự 2015.

Về việc thực hiện hợp đồng: Bên cho vay đã thực hiện nghĩa vụ giao tiền, bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi hết thời hạn cho vay, vi phạm Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015, vi phạm thời hạn trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Xét việc ông Ngô Văn T yêu cầu chị Dương Thị T cùng có trách nhiệm trả nợ thì thấy: Anh Nguyễn Văn H và chị Dương Thị T là quan hệ vợ chồng, khi anh Nguyễn Văn H vay tiền của ông Ngô Văn T sử dụng vào mục đích chung cho gia đình, mặc dù khi vay tiền chị Dương Thị T không có mặt nhưng khi đến thời hạn thanh toán trả nợ, ông Ngô Văn T đến nhà đòi tiền nhiều lần chị Dương Thị T đều biết việc anh Nguyễn Văn H vay tiền của ông Ngô Văn T để mua máy xúc, hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của anh Nguyễn Văn T là người làm chứng. Như vậy, anh H vay tiền để phát triển kinh tế gia đình trong thời kỳ hôn nhân nên chị

Dương Thị T và anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới trả khoản tiền vay 160.000.000 đồng cho ông Ngô Văn T là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của nguyên đơn buộc anh Nguyễn Văn H và chị Dương Thị T phải liên đới trả 160.000.000 đồng tiền vay là có căn cứ cần được chấp nhận.

Tại phiên tòa, ông Ngô Văn T rút phần yêu cầu trả lãi, xét thấy việc ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn về trả lãi vay.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Văn H, chị Dương Thị T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Ngô Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 117, 280, 288, 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự 2015; Các điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 26 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T.

- Buộc anh Nguyễn Văn H và chị Dương Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Ngô Văn T 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu) đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lãi suất cho vay.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[2] Về án phí: Anh Nguyễn Văn H và chị Dương Thị T phải liên đới chịu 8.000.000 (Tám triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Ngô Văn T số tiền 4.000.000 (Bốn triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2016/0001456 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

[3] Quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Ngô Quang Dũng

